

QUỐC HỘI
Số: 27/2004/QH11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2004

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội

QUỐC HỘI

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Luật tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Tờ trình của Ủy ban thường vụ Quốc hội và ý kiến của đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

1. Ban hành kèm theo Nghị Quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng dân tộc, Quy chế hoạt động của các Ủy ban của Quốc hội đã được Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 7 tháng 7 năm 1993.

2. Giao Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn và bảo đảm thực hiện Quy chế này.

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2004/QH11 của Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ

5)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội là những cơ quan của Quốc hội, do Quốc hội thành lập.

Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

Nhiệm kỳ của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội theo nhiệm kỳ của Quốc hội, bắt đầu từ khi được Quốc hội bầu ra tại kỳ họp thứ nhất cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra Hội đồng, Ủy ban mới.

Điều 2: Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tổ chức Quốc hội và các quy định khác của pháp luật.

Điều 3: Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội chịu sự chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 4: Hiệu quả hoạt động của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được bảo đảm bằng hiệu quả của các phiên họp toàn thể của Hội đồng, Ủy ban, hoạt động của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban, các tiểu ban, Đoàn giám sát, Đoàn công tác và của các thành viên Hội đồng, thành viên Ủy ban.

Điều 5: Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện để Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG DÂN TỘC VÀ CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

Mục 1

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG DÂN TỘC VÀ CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI

Điều 6: Hội đồng dân tộc gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số Phó Chủ tịch và số Ủy viên của Hội đồng dân tộc do Quốc hội quyết định.

Ủy ban của Quốc hội gồm có Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên. Số Phó Chủ nhiệm và số Ủy viên của mỗi Ủy ban do Quốc hội quyết định.

Thành viên của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội không thể đồng thời là thành viên Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội, Quốc hội bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng dân tộc; Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên của mỗi Ủy ban trong số các đại biểu Quốc hội theo danh sách đề cử chức vụ từng người do Chủ tịch Quốc hội giới thiệu.

Khi cần thiết, Quốc hội có thể bầu bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của Hội đồng dân tộc, Ủy ban theo đề nghị của Chủ tịch Quốc hội.

Hội đồng dân tộc, Ủy ban có một số Ủy viên hoạt động chuyên trách do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định.

Điều 7:

1. Thường trực Hội đồng dân tộc gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và một số Ủy viên thường trực là Ủy viên hoạt động chuyên trách tại Hội đồng do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng dân tộc.

Thường trực Ủy ban của Quốc hội gồm có Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và một số Ủy viên thường trực là Ủy viên hoạt động chuyên trách tại Ủy ban do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban.

Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

2. Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Dự kiến chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng, Ủy ban trình Hội đồng, Ủy ban xem xét, quyết định;
- b) Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động và quyết định, kết luận của Hội đồng, Ủy ban;
- c) Chuẩn bị nội dung và tài liệu phục vụ hoạt động của Hội đồng, Ủy ban; cung cấp thông tin, tư liệu cần thiết cho các thành viên của Hội đồng, Ủy ban; căn cứ vào kết quả phiên họp của Hội đồng, Ủy ban, chuẩn bị báo cáo thẩm tra, các báo cáo khác của Hội đồng, Ủy ban trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- d) Thẩm tra sơ bộ dự án luật, dự thảo nghị quyết, báo cáo, dự án khác để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét trước khi trình Quốc hội;
- đ) Chuẩn bị ý kiến của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban về những nội dung trong chương trình phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội khi được mời tham dự; tham gia các hoạt động của Hội đồng, Ủy ban khác và của các cơ quan, tổ chức hữu quan; tổ chức các Đoàn giám sát, Đoàn công tác của Hội đồng, Ủy ban; xử lý khiếu nại, tố cáo của công dân thuộc lĩnh vực Hội đồng, Ủy ban phụ trách;
- e) Tổ chức thực hiện sự chỉ đạo, điều hoà, phối hợp của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với hoạt động của Hội đồng, Ủy ban; định kỳ báo cáo với Hội đồng, Ủy ban về hoạt động của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban;
- g) Phối hợp với Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chuyên môn trực tiếp giúp việc Hội đồng, Ủy ban, quyết định việc tuyển dụng cán bộ, công chức, bổ nhiệm, cách chức Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và các chức vụ tương đương, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các chức vụ tương đương; quản lý và thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức thuộc đơn vị chuyên môn trực tiếp giúp việc Hội đồng, Ủy ban;
- h) Chỉ đạo công tác chuyên môn của đơn vị chuyên môn trực tiếp giúp việc Hội đồng, Ủy ban; quyết định việc sử dụng kinh phí mà Hội đồng, Ủy ban được phân bổ;
- i) Trước khi hết nhiệm kỳ của Hội đồng, Ủy ban dự kiến cơ cấu thành phần, số lượng thành viên Hội đồng, Ủy ban nhiệm kỳ sau và báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội;

k) Giải quyết các công việc khác của Hội đồng, Ủy ban và báo cáo Hội đồng, Ủy ban tại phiên họp gần nhất.

Điều 8:

1. Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Điều hành công việc của Hội đồng, Ủy ban, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban;

b) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Hội đồng, Ủy ban, Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban;

c) Giữ mối liên hệ thường xuyên với các thành viên của Hội đồng, Ủy ban;

d) Thay mặt Hội đồng, Ủy ban giữ mối quan hệ với Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Quốc hội, với các cơ quan, tổ chức hữu quan;

đ) Báo cáo hoạt động của Hội đồng, Ủy ban với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội;

e) Tham gia hội nghị Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội do Chủ tịch Quốc hội triệu tập để bàn chương trình hoạt động của Quốc hội, Hội đồng, Ủy ban;

g) Thay mặt Hội đồng, Ủy ban trong quan hệ đối ngoại của Hội đồng, Ủy ban;

h) Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban thường vụ Quốc hội giao.

2. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Hội đồng dân tộc được tham dự các phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội; được mời tham dự các phiên họp của Chính phủ bàn về việc thực hiện chính sách dân tộc.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội giúp Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban; được phân công phụ trách công tác nhất định của Hội đồng, Ủy ban và ký văn bản của Hội đồng, Ủy ban khi được ủy quyền. Trong thời gian Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban vắng mặt thì một Phó Chủ tịch Hội đồng, một Phó Chủ nhiệm Ủy ban được Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban.